

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/DS-ST

Ngày 16 – 5 - 2019

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản là
quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Võ Thanh Liêm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Vân - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:**
Ông Đoàn Đắc Bắc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2019/QĐXXST-DS ngày 11/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tô Văn H, sinh năm: 1970 (có mặt)

Chị Hồ Thị Thùy L, sinh năm: 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 1/21, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Tô Văn S, sinh năm: 1971 (có mặt)

Chị Huỳnh Thị T, sinh năm: 1980

Cháu Tô Phát T, sinh năm: 2004

Người đại diện hợp pháp của cháu T là anh Tô Văn S và chị Huỳnh Thị T.
Cùng địa chỉ cư trú: Số 1/21, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Thị T là ông Tô Văn S. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh S: Bà Nguyễn Thị Anh T là trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. (xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau (vắng mặt)

Địa chỉ: đường Ngô Quyền, khóm 1, Phường 9, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

2. Cháu Tô L Mỹ Q sinh năm 2005

3. Cháu Tô H D, sinh năm 2012

Người đại diện hợp pháp của cháu Q, cháu D là anh Tô Văn H và chị Hồ Thị Thùy L. Cùng địa chỉ cư trú: Số 1/21, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà

Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của Nguyễn đơn là anh Tô Văn H và chị Hồ Thị Thùy L trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Nguồn gốc nhà và đất là do cha anh là ông Tô H mua vào năm 1990, năm 1991 ông H chết. Mẹ anh là bà Nguyễn Thị T được ông H và những người con vợ trước của ông H tên Trương Thị H, bà H và ông H có 06 người con gồm: Tô Thị C hiện nay còn sống khoảng 81 tuổi, Tô Văn M hiện nay còn sống khoảng 71 tuổi, Tô Văn S hiện nay còn sống khoảng 60 tuổi, Tô Thị T hiện nay còn sống khoảng 59 tuổi, có hai người chết tên N, N chết anh không biết năm nào. Mẹ anh là bà Nguyễn Thị T và ông Tô H chung sống có 02 người con chung là anh và anh Tô Văn S. Năm 1998, 04 người con là C, M, S, T cùng với S và H làm đơn ủy quyền nhà – đất tọa tại Số 1/21, đường Nguyễn Văn H, khóm 1, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau (nay Số 1/21, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau) cho bà T quản lý. Đến năm 1999 bà T ủy quyền bằng văn bản lại cho anh toàn quyền quyết định phần nhà đất nêu trên. Đến năm 2001 thì bà T chết không để lại di chúc. Phần nhà đất tranh chấp có chiều ngang khoảng 3m, dài khoảng hơn 11m, diện tích theo đo đạc thực tế là 38m² thuộc thửa số 154, tờ bản đồ số 12. Phần đất trên anh và vợ là chị Hồ Thị Thùy L đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy ngày 30/6/2004 đất được có tứ cận:

- Mặt tiền giáp lộ hẻm T Tuyên.
- Phía bên p H giáp đất anh B
- Phía bên trái giáp đất chị T
- Phía sau hậu giáp đất anh S.

Nhà trên đất được xây cất lại vào năm 2000, nền xi măng, mái lợp thiếc, vách xây lên một đoạn còn phần trên là thiếc, cột cây tạp địa phương, đòn tay cây dầu. Căn nhà phòng phía trước gia đình anh gồm có anh, chị L và hai người con là Q, Dg ở. Phòng phía sau gia đình anh S gồm có anh S, chị T, cháu T ở.

Quá trình quản lý sử dụng vợ chồng anh là người tôn tạo nền và xây căn nhà nêu trên. Anh chị thừa nhận quá trình ở anh S có sửa chữa cải tạo các hạng mục: lợp mái hết 1 triệu đồng, làm nền nhà hết 2,5 triệu đồng, gắn cửa kéo hết 1,2 triệu đồng.

Nay anh yêu cầu gia đình anh S là anh S, chị T, cháu T cùng dời đi nơi khác để sinh sống, trả lại cho vợ chồng anh nhà và đất nói trên, anh sẽ hỗ trợ cho gia đình anh S60.000.000đ. Anh thống nhất giá trị định giá theo chứng thư thẩm định giá nhà đất tranh chấp có giá trị là 234.289.000 đồng.

Theo lời trình bày của bị đơn anh Tô Văn S và chị Huỳnh Thị T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Phần nhà đất tranh chấp tọa lạc tại số 1/21, đường Nguyễn Văn H, khóm 1, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau (nay số 1/21, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau) có nguồn gốc là của cha anh, cha anh có hai đời vợ. Người vợ đầu tên Trương Thị H có 06 người con tên là tên Tô Thị C hiện nay còn sống khoảng 81 tuổi, Tô Văn M hiện nay còn sống khoảng 71 tuổi, Tô Văn S hiện

nay còn sống khoảng 60 tuổi, Tô Thị T hiện nay còn sống khoảng 59 tuổi, còn hai người chết tên N chết cách nay khoảng 4-5 năm, anh N chết trước ông H. Người vợ thứ hai là má của anh tên Nguyễn Thị T, ông H và bà T có hai người con là anh và anh H. Năm 1991 ông H chết, 04 người con của bà H là: C, M, S, T cho bà T nhà đất nêu trên bằng văn bản để bà T nuôi hai con. Cùng năm 1991 bà T ủy quyền cho anh H, lúc này 21 tuổi chưa có vợ quản lý nhà đất vì lúc đó mẹ anh nói anh không biết chữ lại còn bị tật nguyền, đầu óc không được thông minh như người khác nên bà Thân mới ủy quyền căn nhà và đất lại cho anh H để anh H lo nuôi anh. Năm 2001 bà T chết không để lại di chúc. Anh và anh H ở trên nhà đất từ khi cha anh mua cho đến nay, sau này khi lập gia đình thì gia đình anh cùng gia đình anh H ở trên nhà và đất nói trên.

Đất tranh chấp có chiều ngang khoảng 3m, dài khoảng hơn 11m, diện tích theo đo đạc thực tế ngày 03/10/2018 là 38m² thuộc thửa số 154, tờ bản đồ số 12 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy ngày 30/6/2004 cho hộ ông Tô Văn H và Hồ Thị Thùy L đứng tên, đất được có tứ cận:

- Mặt tiền giáp lộ hẻm T Tuyên.
- Phía bên p H giáp đất anh B
- Phía bên trái giáp đất chị T
- Phía sau hậu giáp đất anh S.

Hiện nay căn nhà chia làm hai phần, phần phía trước nền gạch bông gia đình anh H, chị Lh và hai người con là Q, D ở. Phần phía sau, nền xi măng, gia đình anh gồm có anh, chị T, con tên T ở. Căn nhà mái lợp thiếc, vách xây lên một đoạn còn phần trên là thiếc, cột cây tạp địa phương, đòn tay cây dầu.

Quá trình ở anh có sửa chữa cải tạo các hạng mục: Lợp mái hết 1 triệu đồng, làm nền nhà hết 2,5 triệu đồng, gắn cửa kéo hết 1,2 triệu đồng.

Anh yêu cầu anh H chia cho anh một nửa giá trị căn nhà và đất. Anh yêu cầu nhận nhà và đất, vợ chồng anh có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn ½ giá trị nhà và đất theo kết quả thẩm định giá. Anh thống nhất giá trị định giá theo chứng thư thẩm định giá là 234.289.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 19/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay anh xác định rút toàn bộ yêu cầu về việc yêu cầu chia giá trị nhà đất nêu trên, do anh xác định là nhà đất của cha mẹ nên tiếp tục sinh sống không yêu cầu phân chia.

Tại công văn số 2912/UBND-NC, ngày 22/12/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Cà Mau thể hiện:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D9685052 do Ủy ban nhân dân Thành phố Cà Mau cấp ngày 30/6/2004 cho hộ ông (bà) Tô Văn H – Hồ Thị Thùy L tại thửa số 154, tờ bản đồ số 12, diện tích 38,99m², loại đất thổ cư, phần đất tọa lạc tại phường 4, thành phố Cà Mau là đúng theo quy định về trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có luận cứ trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử nghị xét xử bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 147, 157, 165 Bộ luật dân sự, Điều 17, 100 Luật đất đai; Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự p H chịu án phí và các chi phí khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đại diện Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau vẫn vắng mặt không có lý do. Đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chị Nguyễn Thị Anh T, chị T có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Anh H và chị L cho rằng căn nhà và đất có đo đạc thực tế là 38m² tọa lạc tại 1/21, đường Nguyễn Văn H, khóm 1, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau (nay số 1/21, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau), thuộc thửa số 154, tờ bản đồ số 12 là tài sản thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của vợ chồng anh nên yêu cầu gia đình anh S là anh S, chị T, cháu T cùng dời đi nơi khác để sinh sống, trả lại nhà đất trên cho vợ chồng anh. Đối với anh S, chị T thì cho rằng nhà đất trên là của cha mẹ để lại nên không đồng ý theo yêu cầu của anh H, chị L. Đồng thời, vợ chồng anh H, chị L, anh S, chị T xác định không yêu cầu chia thừa kế nhà, đất của cha mẹ để lại. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp của các đương sự được xác định là đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc cho rằng: Nhà và đất tọa tại số 1/21, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau, có đo đạc thực tế là 38m² đã được mẹ là bà Nguyễn Thị T cho lại theo “Đơn xin ủy quyền nhà đất” vào ngày 7/8/1999. Đến ngày 30/6/2004 Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông bà Tô Văn H và Hồ Thị Thùy L. Nguyên đơn xác định đây là tài sản của nguyên đơn và việc vợ chồng anh S ở là do nguyên đơn cho ở nhờ, vì vậy anh S và vợ con p H dời đi nơi khác trả lại nhà đất cho vợ chồng anh. Bị đơn cho rằng đây là nhà đất của cha mẹ để lại nên không đồng ý.

Xét về nguồn gốc, diễn biến, thực trạng quản lý, sử dụng phần nhà, đất đang tranh chấp cho thấy: Nguyên, bị đơn đều thừa nhận nhà và phần đất tranh chấp có nguồn gốc là do ông Tô H (cha của ông H, ông S) nhận chuyển nhượng của bà Trần Lệ D vào năm 1991 thể hiện tại “Đơn Xin Mua Bán Nhà” vào ngày 15/10/1991. Ông H có 02 người vợ. Người vợ đầu tên Trương Thị H, ông H và bà H có 06 người con, mất 02 người là ông N (ông N chết trước khi ông H chết) và N (chết cách nay 4-5 năm), còn lại 04 người con gồm: Tô Thị C, Tô Văn M, Tô Văn S, Tô Thị T. Người vợ thứ hai là bà Nguyễn Thị T, bà T và ông H chung sống có 02 người con là Tô Văn H và Tô Văn S. Đến ngày 29/12/1991 ông H chết không để lại di chúc. Nhà và đất nói trên do bà Thân cùng anh H, S quản lý sử dụng. Đến

ngày 01/9/1998 các đồng thừa kế của ông H là: M, S, C, T, S, H, đồng ủy quyền giao cho bà T đứng tên chủ quyền nhà và đất nêu trên, Tuy nhiên, việc ủy quyền này thiếu ý kiến của đồng thừa kế là anh N. Sau khi được ủy quyền bà T không đi kê khai đăng ký đứng tên chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà bà ủy quyền nhà đất trên cho con là anh Tô Văn H đứng tên vào ngày 7/8/1999. Năm 2001 bà T chết không để lại di chúc.

Xét đơn ủy quyền nhà đất lập ngày 7/8/1999 của bà T ủy quyền cho anh H. Theo quy định bộ luật dân sự “*ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền...*” Theo đó, ủy quyền chỉ mang tính chất đại diện, thay mặt người ủy quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất, không có quyền định đoạt đối với tài sản này. Việc ủy quyền này không phải là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, tặng cho tài sản. Hơn nữa, tại thời điểm ủy quyền bà T cũng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với căn nhà, đất tranh chấp nêu trên.

Xét thời hạn ủy quyền thì tại thời điểm bà T ủy quyền là ngày 7/8/1999, đến năm 2001 bà T chết, nhưng đến năm 2004 anh H mới đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối chiếu với quy định của pháp luật thì hợp đồng ủy quyền có hiệu lực 01 năm kể từ thời điểm xác lập, do đó khi anh H kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hợp đồng ủy quyền trên cũng đã hết hiệu lực. Việc anh H tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ý kiến của các đồng thừa kế, và cũng không có văn bản nào thể hiện nhà đất nêu trên đã phân chia thừa kế là không hợp pháp. Hơn nữa tại tòa anh H cũng khẳng định anh S không biết chữ, chữ ký của anh S trong các văn bản ủy quyền nêu không phải do anh S ký tên. Trong khi, anh S là người có nhược điểm về thể chất, tật nguyên, không biết chữ ở với bố mẹ từ nhỏ, sau khi bố mẹ mất anh S đã cùng anh H cùng tiếp tục sinh sống tại căn nhà và đất nêu trên từ năm 1991 đến nay. Cho nên việc anh H cho rằng nhà đất trên bà T đã cho riêng anh và được sự đồng ý của anh S là hoàn toàn không có cơ sở.

Đồng thời, khi anh H kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 30/6/2004 Ủy ban nhân dân Thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ ông (bà) Tô Văn H – Hồ Thị Thùy L tại thửa số 154, tờ bản đồ số 12, diện tích 38,99m², loại đất thổ cư, phần đất tọa lạc tại phường 4, thành phố M. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này anh S là thành viên trong hộ gia đình, nên anh S cũng có quyền lợi đối với quyền sử dụng đất do anh H đứng tên chủ hộ.

[4] Đối với phần kiến trúc căn nhà, tại phiên tòa nguyên và bị đơn đều thừa nhận anh H, chị L có bỏ tiền ra xây sửa căn nhà lại vào năm 2000, và anh S có bỏ tiền ra sửa chữa cải tạo các hạng mục: Lợp mái hết 1 triệu đồng, làm nền nhà hết 2,5 triệu đồng, gắn cửa kéo hết 1,2 triệu đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên bị đơn không có yêu cầu chia giá trị căn nhà cũng như nguyên và bị đơn cũng không yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất mà ông H và bà T để lại như đã phân tích trên. Xét thấy, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định

tại Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân Sự nên không đặt ra việc xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì giải quyết thành vụ án khác.

Do đó, từ những phân tích nêu trên thì việc anh H, chị L cho rằng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại 1/21, đường Nguyễn Văn H, khóm 1, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau (nay số 1/21, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau đây là tài sản thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của nguyên đơn và yêu cầu cầu buộc bị đơn gồm anh S chị T, cháu T cùng dời đi nơi khác để sinh sống, trả lại nhà đất nêu trên cho nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn chia cho anh một nửa giá trị căn nhà và đất. Anh yêu cầu nhận nhà và đất, vợ chồng anh có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất theo kết quả thẩm định giá là 234.289.000 đồng/2 = 117.114.500 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 19/4/2019 và tại phiên tòa hôm nay anh S xác định rút toàn bộ yêu cầu phản tố, đồng ý để tòa án đình chỉ yêu cầu phản tố. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến yêu cầu phản tố của bị đơn trong cùng vụ án này, đình chỉ trả lại đơn yêu cầu của bị đơn, bị đơn có quyền yêu cầu khởi kiện thành vụ án dân sự khác theo quy định.

[6] Đối với bà Tô Thị C, ông Tô Văn M, ông Tô Văn S, bà Tô Thị T, vợ con ông N (con vợ trước của ông Tô H) do không sinh sống trên căn nhà nêu trên và nguyên đơn, bị đơn đều xác định đây là tranh chấp đòi tài sản và không tranh chấp về thừa kế nên xét thấy việc giải quyết vụ án không làm phát sinh, ảnh hưởng gì đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên không cần thiết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[7] Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn p H chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, và quyền sở hữu nhà ở.

Ngoài ra, nguyên đơn còn phải chịu chi phí đo đạc thực tế, và chi phí thẩm định giá với số tiền 8.437.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 157, 165, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, 166 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 100, 203 Luật đất đai; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn H và bà Hồ Thị Thùy L về việc buộc ông Tô Văn S, bà Huỳnh Thị T, cháu Tô Phát T trả lại nhà và đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 38m², tọa lạc tại số số 1/21, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn chia cho anh một nửa giá trị căn nhà và đất tọa lạc tại số 1/21, đường B, khóm 5, phường 4, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

2. Về chi phí và án phí dân sự sơ thẩm:

Về chi phí thẩm định giá là 4.400.000 đồng và chi phí đo đạc thẩm định tại chỗ là 4.037.000 đồng nguyên đơn phải chịu (đã nộp xong).

Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn anh Tô Văn H và chị Hồ Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng, chị L và anh H đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng vào ngày 25/6/2018 theo lai số 0000955 được đối trừ, anh H chị L đã nộp đủ.

Ông Tô Văn Sơn, bà Huỳnh Thị T không phải nộp, đã được miễn dự nộp đối với yêu cầu phản tố ngày 25/7/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p H thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)**

Phạm Kim Cương